

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày 28 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo.....	1
2. Chuẩn đầu ra	2
2.1. Kiến thức.....	2
2.2. Kỹ năng.....	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	5
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 Tín chỉ	5
4. Đối tượng, tuyển sinh:	6
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	6
6. Cách thức đánh giá	6
7. Nội dung chương trình.....	6
8. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	36

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Đào tạo chính quy

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản lý đất đai; Mã số: 7850103

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành quản lý đất đai đào tạo cử nhân Quản lý đất đai có kiến thức cơ sở, chuyên môn và kỹ năng thực hành, có đủ năng lực và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về quản lý đất đai; có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc trong dịch vụ về đất đai; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Có kiến thức về quản lý tài nguyên đất đai, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai.

b) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể đọc hiểu và giao tiếp được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp;

có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.

c) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

d) Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

** Kiến thức chung:*

2.1.1. Hiểu và vận dụng được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng.

2.1.2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với ngành đào tạo, làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành; hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về tiếng Anh tương đương trình độ 3/6 (theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam); ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức chuyên môn (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).

** Kiến thức chuyên môn:*

2.1.3. Áp dụng các kiến thức, phương pháp khoa học đất để phân tích và đánh giá được hiện trạng tài nguyên môi trường nói chung, tài nguyên đất đai, đánh giá chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai, phân hạng đất nông nghiệp, đánh giá thoái hoá đất, ô nhiễm đất phục vụ quản lý và sử dụng đất hiệu quả, bền

vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.1.4. Hiểu và áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin và kỹ thuật, chuyển đổi số trong công tác quản lý đất đai như đo đạc địa chính, bản đồ địa chính, xây dựng hệ thống thông tin địa lý và đất đai.

2.1.5. Hiểu và áp dụng được các kiến thức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai, bao gồm: Tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông kê, kiểm kê đất đai; quản lý và kinh doanh bất động sản, tài chính đất, thanh tra đất đai, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; đánh giá đất; định giá đất và từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thực tiễn.

2.1.6. Áp dụng và phân tích được các kiến thức tổng hợp (pháp luật, quy hoạch, kinh tế, công nghệ) đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

2.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng:

* *Kỹ năng chung:*

2.2.1. Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

2.2.2. Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

** Kỹ năng chuyên môn:*

2.2.3. Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, trong bộ máy quản lý đất đai từ trung ương tới các cấp cơ sở.

2.2.4. Vận dụng được việc tìm kiếm và tổng hợp thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học, hiệu quả.

2.2.5. Vận dụng được kiến thức trong điều tra đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất, phân hạng đất nông nghiệp, đánh giá ô nhiễm đất; đánh giá tác động môi trường; lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.2.6. Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai như các loại máy trắc địa để đo đạc, lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề, các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành về xây dựng bản đồ, cơ sở dữ liệu đất đai như Viliis 2.0; Famis; Microstation...

2.2.7. Thành thạo việc lập và cập nhật hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và biến động đất đai, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; xác định được giá đất, và các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai.

2.2.8. Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

2.2.9. Có kỹ năng giao tiếp trong cộng đồng, truyền đạt thông tin, đàm phán, diễn thuyết, trình bày, phản biện, tư duy logic; kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính, hợp đồng liên quan đến quản lý đất đai.

2.2.10. Có kỹ năng tìm việc làm; tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai.

2.3.2. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

2.3.3. Có phẩm chất đạo đức, niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Có sự tích cực và chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 Tín chỉ

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	35	26,3
Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	73,7
Kiến thức cơ sở ngành	15	11,3
Kiến thức ngành	52	39,1
+ <i>Bắt buộc:</i>	(38)	(28,6)
+ <i>Tự chọn:</i>	(14)	(10,5)
Kiến thức chuyên ngành	19	14,3
+ <i>Tự chọn:</i>	(19)	(14,3)

Kiến thức thực tập và khoá luận tốt nghiệp	12	9,0
--------------------------------------------	----	-----

4. Đối tượng, tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

Ký hiệu: - *LT: Lý thuyết*

- *TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		35					
I.1	Các học phần chung		19					
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư	20	10	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.				
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	20	10	60	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững	21	09	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	21	09	60	
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm	12	33	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.				
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	12	33	90	
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	Sau khi kết thúc học	08	22	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				phần sinh viên nắm được các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.				
9		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: - Phần bắt buộc: Thể dục, điền kinh 1 và điền kinh 2. - Phần tự chọn SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bơi lội, Bóng rổ, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.				
10		<i>Giáo dục quốc phòng-</i>	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
		<i>an ninh</i>		sản Việt Nam, Công tác quốc phòng - an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				
I.2	Các học phần bắt buộc của trường		8					
11	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.	20	10	60	
12	CTKU101	Tin học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết	19	11	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.				
13	QĐQB101	Kỹ năng mềm	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đọc; kỹ năng viết; kỹ năng làm việc nhóm và tìm kiếm việc làm...Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác với nhau trong công việc và cuộc sống. Nói cách khác, kỹ năng mềm quyết định đến sự thành công của một người và được đánh giá cao trong xã hội hiện đại.	12	18	60	
14	QĐKQ101	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức liên quan đến các khái niệm chung như khoa học và nghiên cứu khoa học, các loại khoa học, phương pháp và quan điểm khoa học, các bước tiến hành quá trình nghiên cứu, cách thiết kế nghiên cứu khác nhau, cách thu thập và xử lý dữ liệu, thông tin trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu đến sinh viên những định hướng	24	06	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				<p> nghiên cứu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói chung, lĩnh vực quản lý đất đai nói riêng.</p>				
I.3	Các học phần của ngành		8					
15	KĐTO104	Toán cao cấp	2	<p>Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, ...). Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.</p>	16	14	60	
16	KĐTO106	Xác suất thống kê	2	<p>Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,...) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,...). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.</p>	13	17	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
17	KĐVL101	Vật lý đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	14	16	60	
18	KĐHH101	Hoá học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo... Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.	15	15	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		98					
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		15					
19	QĐKQ102	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học phong thủy, phong thủy đối với lĩnh vực đất đai, bố trí nhà ở và cảnh quan môi trường. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học để ứng dụng trong quy hoạch đất đai.	20	10	60	
20	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm những kiến thức cơ bản trong trắc địa như: Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, hai bài toán trắc địa, sai số đo, tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác; Các kiến thức về máy móc, trang thiết bị đo; Các phương pháp đo và tính toán các trị đo góc, cạnh, chênh cao; Các kiến thức cơ bản về lưới khống chế trắc địa; Thiết kế, đo đạc và tính toán bình sai lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và kỹ thuật; Thành lập bản đồ địa bình bằng phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.	26,5	18,5	90	
21	TBTĐ132	Đo đạc địa chính	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức	37	08	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính; Quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; Nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính.				
22	TBBV118	Bản đồ học	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản trong trắc địa như: Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, hai bài toán trắc địa, sai số đo, tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác; Các kiến thức về máy móc, trang thiết bị đo; Các phương pháp đo và tính toán các trị đo góc, cạnh, chênh cao; Các kiến thức cơ bản về lưới khống chế trắc địa; Thiết kế, đo đạc và tính toán bình sai lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và kỹ thuật; Thành lập bản đồ địa bình bằng phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.	23	07	60	
23	TBTĐ131	Thực tập trắc địa cơ sở	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính		120 giờ	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính; Quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; Nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính.				
24	TBTĐ133	Thực tập đo đạc địa chính	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề cơ bản của bản đồ học, khái niệm, nội dung, phân loại và quy trình sản xuất bản đồ, phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ giúp sinh viên có thể vận dụng lý thuyết vào việc thiết kế và thành lập các bản đồ.		160 giờ	90	
II.2	Kiến thức ngành		52					
	Các học phần bắt buộc		38					
25	QĐQB102	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức chuyên ngành ở mức có thể đọc hiểu và viết, dịch được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.	10	35	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
26	QĐKQ103	Khoa học đất ^(*)	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất	31	14	90	
27	QĐKQ104	Đánh giá đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; từ đó, có phương án sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, hướng đến sử dụng đất bền vững.	20	10	60	
28	QĐQB103	Quản lý nhà nước về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Đại cương Quản lý Nhà nước về đất đai, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đạigiúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai.	22	08	60	
29	QĐQB104	Chính sách đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về pháp luật đất đai;	30	15	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				chính sách quản lý Nhà nước về đất đai; chính sách sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.				
30	QĐKQ105	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu.	22	08	60	
31	QĐKQ106	Quy hoạch đô thị	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về đô thị, quá trình phát triển của đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch các khu chức năng trong đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị	20	10	60	
32	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức về một số vấn đề chung về đất đai, sử dụng đất đai và quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng	33	12	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất.				
33	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức nghiên cứu chuyên sâu về các nội dung: (1) Nhà nước giao đất, (2) Nhà nước cho thuê đất, (3) Chuyển mục đích sử dụng đất, (4) Nhà nước thu hồi đất. Học phần Giao đất cung cấp cho sinh viên một số quy định về giao đất, cho thuê đất. của Nhà nước đang áp dụng. Đồng thời học phần còn cung cấp một số quy định về thu hồi, bồi thường khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất của các đối tượng sử dụng đất.	23	22	90	
34	QĐKQ108	Sử dụng đất và kinh tế đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các vấn đề tổng quan về sử dụng đất, tổng quan về kinh tế đất; các vấn đề về bản chất địa tô, địa tô chênh lệch, địa tô tuyệt đối; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất, Phân tích hiệu quả sử dụng đất khi tiến hành các dự án đầu tư trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiệu quả kinh tế.	19	11	60	
35	QĐQB106	Định giá đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về	20	10	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				nguyên tắc, cơ sở phương pháp luận của giá đất, phương pháp định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng. Học phần cũng trình bày một số kiến thức cơ bản về quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;				
36	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được một số các kỹ năng như: kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng quản lý thông tin; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng lãnh đạo. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai.	12	18	60	
37	QĐCT101	Cơ sở dữ liệu đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức chung về cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu đất đai đất đai; hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ truy vấn SQL	26	19	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				và sử dụng các lệnh cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Đồng thời cũng nắm vững được nội dung, quy trình xây dựng và cách quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai. Đồng thời có thể tự thiết kế các mô hình cơ sở dữ liệu phục vụ cho ngành quản lý, tổ chức và quản lý tốt các dữ liệu nói chung và dữ liệu đất đai nói riêng trên các phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành.				
38	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 ^(*)	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bản đồ số, quy trình thành lập bản đồ số bằng hệ thống phần mềm và các modul chạy trên nền của phần mềm MicroStation, TK Tool. Làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.	9,5	35,5	90	
39	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về khởi nghiệp; Thành lập doanh nghiệp và các thủ tục liên quan; Một số lĩnh vực kinh doanh trong ngành quản lý đất đai và quản lý đất đai.	20	10	60	
40	QĐQB108	Kiến tập nghề	1	Sau khi kết thúc học		80	30	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
		nghiệp		phần giúp sinh viên tham quan, tìm hiểu môi trường làm việc thực tế ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ở các địa phương hay các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai. Qua đó, sinh viên sẽ được quan sát, học hỏi các kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, làm quen với văn hóa công sở, doanh nghiệp, giúp sinh viên tự định hướng được con đường nghề nghiệp cũng như môi trường làm việc của mình sau khi ra trường, thực hành các kỹ năng mềm, tác phong và thái độ hành xử chuyên nghiệp để có thể thích nghi, giao tiếp và làm việc trong môi trường Nhà nước hoặc doanh nghiệp.				
1.	Các học phần tự chọn		14/24					
41	QĐQB109	Quản lý thị trường bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về bất động sản, thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản; Phân tích được khái niệm, đặc điểm của bất động sản, thị trường bất động sản; Lựa chọn phương pháp định giá bất động sản phù hợp; Vận dụng các nguyên tắc, điều kiện vào kinh doanh	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				bất động sản có sẵn, bất động hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Tổng hợp và đánh giá được thực tế vai trò điều tiết của nhà nước đối với thị trường bất động sản và những phương hướng nhằm phát triển thị trường bất động sản theo hướng bền vững.				
42	QĐQB110	Dịch vụ công về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những vấn đề chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vấn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại...); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về đất đai.	23	07	60	
43	QĐKQ109	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu; tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu đến đất đai và sử dụng đất; đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu.	24	06	60	
44	MTQT153	Quản lý tài nguyên môi	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được	18	12	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
		trường		kiến thức ở 3 chương. Chương 1 nhằm giới thiệu tới người học các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường. Chương 2 tập trung vào các nhóm công cụ quản lý tài nguyên và môi trường chính đang được sử dụng trong nước như công cụ pháp lý, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật và công cụ phụ trợ. Chương 3 hướng dẫn việc áp dụng các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường trong quản lý một số đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường cụ thể.				
45	QĐQB111	Chính sách nhà ở	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức: chính sách pháp Luật về xây dựng, chính sách pháp Luật về nhà ở.	20	10	60	
46	QĐCT104	Hệ thống thông tin đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức về hệ thống thông tin đất, các thuật ngữ, các mô hình (dữ liệu thuộc tính, đồ họa), hệ quản trị cơ sở dữ liệu và công cụ giúp xây dựng hệ thống thông tin đất đai.	26	04	60	
47	QĐQB112	Thống kê đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức tổng quan về nguyên lý thống kê như khái niệm, điều	20	10	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				tra thống kê, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê, chỉ tiêu hiện tượng kinh tế xã hội; Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai như mục đích, nguyên tắc, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai; Các chỉ tiêu đất đai theo mục đích sử dụng, chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất; Biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;				
48	QĐKQ110	Hoá học đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất.	21	09	60	
49	QĐKQ111	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các khái niệm về phát triển và phát triển nông thôn, phát triển bền vững, các đặc trưng của vùng nông thôn và sự cần thiết phải quy hoạch phát triển nông thôn; cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quy hoạch nông nghiệp; thực trạng và định hướng, giải pháp phát	25	05	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay; các vấn đề và các quan điểm về phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch nông thôn mới.				
50	MTQM152	Đánh giá tác động môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về môi trường và đánh giá tác động môi trường như: các thành phần môi trường, phân biệt được các hình thức, đối tượng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường. Bên cạnh đó sinh viên sẽ hiểu được tiến trình và một số phương pháp cơ bản trong quá trình đánh giá tác động môi trường.	19,5	10,5	60	
51	QĐKQ112	Quy hoạch cảnh quan	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về: Một số nội dung cơ bản về quy hoạch cảnh quan, Những vấn đề chung về quy hoạch cảnh quan và Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm.	23	07	60	
52	TBBV119	Cơ sở viễn thám	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm những kiến thức cơ bản về nguyên lý, đặc điểm và khả năng ứng dụng của các loại ảnh vệ tinh, các bước trong quá trình xử lý ảnh vệ tinh quang học. Học xong học phần	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				này, người học sẽ có nền tảng vững chắc hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý đất đai.				
II.3	Kiến thức chuyên ngành		19/34					
53	QĐQB113	Đăng ký đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về đăng ký đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hồ sơ địa chính. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Chính sách đất đai, Thống kê đất đai, Giao đất và thu hồi đất, Tài chính đất đai, Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 và Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2.	30	15	90	
54	QĐQB114	Tài chính đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận về tài chính đất đai và quy định các khoản thu tài chính từ đất đai như: tiền sử dụng đất; tiền thuê đất; tiền thu từ xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai; phí và lệ phí và các loại thuế liên quan đến đất đai... Từ đó tổng hợp các kiến thức để xác định các loại nghĩa vụ tài chính trong công tác quản lý và sử dụng đất	21	09	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				đai.				
55	QĐQB115	Thanh tra đất đai và xây dựng	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những hiểu biết cơ bản nhất về công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở. Học phần được bố trí thành 5 chương: Một số vấn đề chung về thanh tra; thanh tra, kiểm tra, quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở ; xử lý vi phạm pháp Luật đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở.	33	12	90	
56	QĐCT105	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cách cài đặt phần mềm, thiết lập hệ thống, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận, quản lý biến động, quản lý hồ sơ địa chính và quản lý hồ sơ quét trên phần mềm VILIS 2.0.	15	30	90	
57	QĐKQ113	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	3	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực hành tay nghề chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất. Học phần gồm những nội dung chính sau: Tập hợp thông tin, số liệu, tài liệu;nhận xét đánh giá tài		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				liệu, số liệu. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Viêt báo cáo tổng hợp, hoàn thiện tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.				
58	QĐQB116	Thực tập Đăng ký thống kê đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của các học phần chính sách đất đai, thống kê đất đai và đăng ký đất đai để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký, cấp giấy chứng nhận; lập và chỉnh lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai. Học phần có các nội dung cơ bản như sau: thu thập, tổng hợp, đánh giá các tài liệu, số liệu tại địa phương (đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu; đăng ký biến động đất đai; các tài liệu trong hồ sơ địa chính; báo cáo và biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai) để lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; Lập và chỉnh lý được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Lập được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Viêt báo cáo tổng hợp kết quả thực		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				tập.				
59	QĐCT106	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kỹ năng về việc thực hiện quy trình tiến hành thành lập bản đồ số nói chung và bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Khai đăng ký Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận trên phần mềm VILIS 2.0, Quản lý biến động trên phần mềm VILIS 2, Quản lý hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0.		120 giờ	60	
60	QĐCT107	Quản lý xây dựng	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức chung về quản lý dự án xây dựng, quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ và những quy định chung của pháp luật về nhà ở và pháp luật về xây dựng. Sinh viên sau khi học xong học phần có kỹ năng quản lý dự án xây dựng và thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với những công trình yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng. Đồng thời, sinh viên có kỹ năng xử lý xử phạt hành chính đối với những hoạt động xây dựng trái pháp luật.	22	08	60	
61	QĐCT108	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức tổng	23	07	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
		sản		quan về lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản, nắm bắt được những kiến thức cơ bản về lập quản lý dự án, phân tích được những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai. Vận dụng các kiến thức để phân tích và đánh giá xây dựng được quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai; các loại hình lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản. Sinh viên thành thạo trong việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác lập và quản lý dự án bất động sản nói riêng và quản lý Nhà nước về đất đai nói chung tại địa phương.				
62	QĐQB117	Kinh doanh bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng về kinh doanh bất động sản; kinh doanh bất động sản có sẵn; kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu các quy định, các văn bản pháp lý về kinh doanh bất động sản. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên một số văn	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				bản sử dụng trong kinh doanh bất động sản sau này.				
63	QĐQB118	Thực tập định giá đất	3	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của học phần định giá đất để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.		160 giờ	90	
64	QĐQB119	Thực tập tài chính đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các nội dung cơ bản như sau: Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy và quy chế thực tập; Phân công tổ chức thực tập và giao nhiệm vụ cho nhóm, các thành viên trong nhóm; Hướng dẫn các nhóm thu thập, đánh giá, tổng hợp các tài liệu liên quan đến vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; các biểu mẫu để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Lập hồ sơ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp; Kiểm tra, nghiệm thu thành quả thực tập.		160 giờ	90	
65	QĐQB120	Thực tập thanh tra đất đai và xây dựng	3	Sau khi kết thúc học phần giúp cho người học vận dụng được những kiến thức đã học để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất đai; thanh tra, kiểm tra công tác xử lý những sai phạm trong sử		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				dụng đất đai, xây dựng và nhà ở; thanh tra, kiểm tra công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở trong thực tiễn. Học phần được bố trí thành các bài thực tập theo ngày trong thời gian 04 tuần.				
II.4	Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp		12					2.
66	QĐQB121	Thực tập tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa.		320 giờ	180	
67	QĐQB122	Khoá luận tốt nghiệp	6	Sinh viên viết được khoá luận tốt nghiệp theo quy định và đạt được các mục tiêu của đề tài đã đặt ra.		320 giờ	180	
	Các môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp							
68	QĐKQ114	Bảo vệ tài nguyên đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm nội dung chính về tổng quan thực trạng tài nguyên đất	21	09	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH, TT	Tự học	
				thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ tài nguyên đất.				
69	QĐCT109	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, định hướng nghề nghiệp, cách tiếp cận thế giới và định hướng chuyển đổi số của ngành quản lý đất đai. Đồng thời tìm hiểu chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nắm vững những quy trình cụ thể đang được áp dụng trong chuyển đổi số đối với công tác quản lý nhà nước.	22	08	60	
70	QĐQB123	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức: giải quyết tranh chấp đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm pháp luật về đất đai.	16	14	60	
Tổng cộng			133					

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở; 45÷60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục;

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Khối lượng tối thiểu không ít hơn $2/3$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá $3/2$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo.